

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19
Năm 2014

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19**
- Tên tiếng Anh: **Song Da 19 Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **Song Đà 19 JSC**
- Mã cổ phiếu: **SJM**
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu:
- Địa chỉ: **TT9, B78, Khu đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.**
- Số lượng cổ phiếu lưu hành : **5.000.000 Cổ phần**
- Điện thoại : **043.7876376**
- Fax: **043.7876375**
- Website: **http:// www.songda19.com.vn**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Tiền thân là Xí nghiệp xây dựng trang trí nội thất được thành lập từ khi giải phóng năm 1975 thuộc liên hiệp xây dựng số 2 sau này đổi tên thành Công ty xi măng vật liệu xây dựng và xây lắp Đà Nẵng

- Ngày 26 tháng 6 năm 1997 Bộ xây dựng có quyết định số 387/QĐ về việc thành lập Công ty xây dựng trang trí nội thất Sông Đà 19 thuộc Tổng công ty Sông Đà trên cơ sở Xí nghiệp xây dựng trang trí nội thất thuộc Công ty xi măng vật liệu xây dựng và xây lắp Đà Nẵng.

- Ngày 18 tháng 6 năm 2003 Bộ xây dựng có quyết định số 869/QĐ/BTX của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc chuyển Công ty thành Công ty cổ phần Sông Đà 19 và hoạt động theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 3203000128 do sở kế hoạch đầu tư TP Đà Nẵng cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003. Từ đây Công ty Cổ phần Sông Đà 19 chính thức hoạt động với số vốn điều lệ ban đầu là 3.000.000.000, đồng (Ba tỷ đồng)

- Ngày 27 tháng 04 năm 2005 Công ty tăng vốn điều lệ lên 4.000.000.000, đồng (Bốn tỷ đồng) theo giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất do Sở kế hoạch đầu tư TP Đà Nẵng cấp.

- Ngày 14 tháng 9 năm 2007 Công ty tăng vốn điều lệ lên 15.000.000.000, đồng (Mười lăm tỷ đồng) theo giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 do Sở kế hoạch đầu tư TP Đà Nẵng cấp.

- Tháng 12 năm 2007 Công ty được Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận nguyên tắc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. Ngày 09 tháng 01 năm 2008 đã được chấp thuận chính thức với mã cổ phiếu là SJM theo quyết định số 03/GCN-TTGDHN

- Tháng 5 năm 2009 Công ty chuyển trụ sở chính từ 12 Hồ Xuân Hương, Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng đến Tầng 1, ĐN3, Nhà CT9, KĐT mới Mỹ Đình, xã Mỹ Tri, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Ngày 15 tháng 1 năm 2011 Công ty được ủy ban chứng khoán nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng với số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 3.500.000 cổ phiếu. Ngày 15 tháng 6 năm 2011 Công ty được trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ nhất số 02/2008/GCNCP-VSD-1. Chứng nhận tổng số chứng khoán đã đăng ký của Công ty là 5.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị chứng khoán đăng ký là 50.000.000.000 đồng.

- Ngày 26/3/2014 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội quyết định hủy niêm yết cổ phiếu của Công ty từ ngày 25/4/2014.

- Ngày 20/5/2014 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn UPCOM.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây, trạm biến áp, sân bay, bến cảng cầu;

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

- Đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà, khách sạn

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh điện

- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị

- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm)

- Đầu tư và kinh doanh bất động sản

- Phá dỡ, san lấp và chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng

- Dịch vụ nông mìn

- Trồng cây công nghiệp lâu năm, cây lương thực, cây ăn quả, cây dược liệu...

Do ngành nghề kinh doanh là xây dựng hạ tầng, thủy lợi, thủy điện nên địa bàn hoạt động chính của Công ty trong những năm qua trải dài từ miền Nam trung bộ (Khánh Hòa, Quảng Nam, Đà Nẵng) ra đến khu vực Tây bắc (tỉnh Lai Châu).

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô Hình quản trị

4.3.2 Công ty cổ phần Sông Đà miền trung .

- Địa chỉ : 155 Quận Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Thành phố Đà Nẵng
- Ngành nghề kinh doanh chính : Xây lắp
- Vốn điều lệ thực góp : 6.730.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu : 35%

5. Định hướng phát triển

5.1 Các mục tiêu chủ yếu

- Sắp xếp, cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư, đặc biệt là đầu tư dài hạn trong đó xem xét thoái một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết;
- Giữ mối liên hệ tốt với Chủ đầu tư nhằm phát triển thêm các công trình mới trong lĩnh vực thi công;
- Tiếp tục tạo niềm tin và duy trì tốt mối quan hệ với các tổ chức tín dụng là đối tác chiến lược, để duy trì nguồn vốn vay tín dụng ổn định đáp ứng nhu cầu vốn thi công các công trình;
- Tập trung công tác thu hồi công nợ thông qua việc thúc đẩy mạnh hoạt động của bộ phận thu hồi công nợ, đặc biệt tập trung vào việc thu hồi công nợ các dự án tại khu vực miền trung và có biện pháp mạnh để giải quyết nợ khó đòi;
- Tính toán phân bổ hợp lý các nguồn vốn trong từng thời gian cụ thể cho từng công trình, dự án nhằm đạt hiệu quả cao nhất;

5.2. Chiến lược phát triển trung, dài hạn:

- Xây dựng kế hoạch tìm kiếm việc làm trong giai đoạn tiếp theo trên cơ sở nghiên cứu kế hoạch phát triển kinh tế của các vùng, ngành, địa phương;
- Công ty chú trọng tập trung lĩnh vực hoạt động sở trường là xây lắp, nhận thầu thi công các công trình xây dựng trong và ngoài nước qua đó tạo công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên, đồng thời tăng doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động này;
- Tham gia đấu thầu các công trình phù hợp với năng lực của công ty, cắt giảm chi phí, xác định lợi nhuận hợp lý, để giá dự thầu thấp nhất tăng khả năng trúng thầu;
- Thành lập và sắp xếp lại các Phòng nghiệp vụ nhằm đưa công ty trở thành Công ty hoạt động trên nhiều lĩnh vực và mang lại hiệu quả cao thông qua việc triển khai thêm các lĩnh vực mới;
- Chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế cận bằng việc điều động, luân chuyển công việc tại các phòng ban và tại các công trình để từ đó đánh giá được những yếu tố phẩm chất tốt cần phát huy và bồi dưỡng làm nòng cốt cho Công ty sau này.

6. Các rủi ro:

6.1 Rủi ro từ môi trường bên trong

6.1.1 Nguồn nhân sự có chất lượng của công ty còn thiếu: Với lực lượng cán bộ ít về số lượng, trình độ chuyên môn chưa giỏi, đa phần là lực lượng cán bộ trẻ mặc dù có nhiệt huyết trong lao động, tuy nhiên kinh nghiệm thi công và kinh nghiệm quản lý còn yếu.

6.1.2 Năng lực thi công: hiện nay rất nhiều chủng loại máy móc, thiết bị tiên tiến hiện đại cho công tác xây dựng cơ bản được các Công ty lớn đầu tư. Trong khi đó năng lực thi công của Công ty còn

nhiều hạn chế, máy móc thiết bị cũ, lạc hậu, hay phải sửa chữa việc này ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty.

6.1.3 Công tác tiếp cận và mở rộng thị trường còn rất hạn chế: Đây có lẽ là khâu yếu nhất của Sông Đà 19, với chuyên ngành thi công xây lắp các công trình thủy điện, thủy lợi, hạ tầng, giao thông, trong khi đó các dự án lớn về thủy điện hiện nay chỉ còn thủy điện Lai Châu, như vậy các dự án thủy điện lớn tại Việt Nam cơ bản đã hết. Năm 2014 nhà nước vẫn tiếp tục cắt giảm đầu tư công, lãi suất vẫn ở mức cao nên không thu hút được đầu tư do đó cơ hội để tìm kiếm việc làm càng khó khăn.

6.2 Rủi ro từ môi trường bên ngoài

6.2.1 Rủi ro từ môi trường tự nhiên: những năm gần đây thời tiết ngày càng khắc nghiệt khó dự đoán trước, việc mưa gió thất thường sẽ làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Công ty đặc biệt ảnh hưởng đến các dự án thi công cầu, đường.

6.2.2 Rủi ro trong kinh tế: Các chính sách như cắt giảm đầu tư công, giảm tăng trưởng tín dụng của nhà nước làm ảnh hưởng đến cơ hội tìm kiếm việc làm và tiếp cận nguồn vốn với chi phí lãi vay ở mức chấp nhận được của Công ty là rất khó khăn.

6.2.3 Rủi ro tài chính

- *Lãi suất:* Việc sử dụng vốn vay cho hoạt động SXKD thường chiếm tỷ lệ cao trong nguồn vốn kinh doanh. Chính vì thế, sự biến động lãi suất cho vay trên thị trường luôn có những tác động trực tiếp đến chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

- *Tỷ lệ lạm phát:* Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trung bình của nhiều năm gần đây tăng cao (20%-50%) làm ảnh hưởng đến chi phí đầu vào. Khi chi phí đầu vào tăng lên do lạm phát thì giá bán đầu ra cũng sẽ tăng lên tương ứng. Phần lớn các Hợp đồng xây dựng công ty ký kết đều không điều chỉnh giá. Như vậy, rủi ro từ lạm phát đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty là khó kiểm soát.

- *Tỷ giá hối đoái:* Các biến động của tỷ giá hối đoái luôn làm ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng đến giá các mặt hàng chủ chốt như: thép, xi măng, nhiên liệu... là những loại vật liệu chính của các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng. Vì vậy sẽ tác động làm tăng chi phí sản xuất.

6.2.4 Rủi ro từ sự phát triển của khoa học công nghệ trong xây dựng: Trong những năm qua nền khoa học công nghệ của thế giới và trong nước luôn phát triển mạnh mẽ các thế hệ máy móc mới được ra đời với những tính năng vượt trội so với các thế hệ trước. Đối với lĩnh vực xây lắp hiện nay có rất nhiều thiết bị thi công mới hiện đại. Rõ ràng môi trường ứng dụng các khoa học công nghệ mới đang rất thuận lợi cho các doanh nghiệp lớn đổi mới công nghệ sản xuất đồng thời cũng là hạn chế của các doanh nghiệp nhỏ.

6.2.5 Rủi ro từ chính sách pháp luật: Việt Nam đang có thể mạnh nổi bật là có môi trường chính trị, an ninh quốc phòng ổn định thu hút được đầu tư, phát triển kinh tế. Tuy nhiên hệ thống chính sách, pháp luật của Việt Nam thường có nhiều thay đổi, ảnh hưởng không nhỏ đến các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng trong và ngoài nước.

6.2.6 Rủi ro từ việc cạnh tranh ngày càng gay gắt: Có thể nói ngành xây dựng hiện nay đang được đánh giá là cạnh tranh khốc liệt nhất, có rất nhiều doanh nghiệp đang thi công từ dân dụng, hạ tầng chuyển sang thi công thủy điện như: Vinaconex, Licogi, Cavico... đồng thời rất nhiều công ty mới đầu tư thiết bị hiện đại, hạ giá thành để cạnh tranh thị trường như các đối thủ cạnh tranh trực tiếp với công ty đã phân tích phân trên.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Xem tại mức III

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Ban điều hành:

2.1.1 Ông VŨ TRUNG TRỰC

- Chức vụ hiện tại: Tổng giám đốc
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/10/1968
- Nơi sinh: Bình Minh - Kim Sơn - Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Gia Trung - Gia Viễn - Ninh Bình
- Chứng minh nhân dân: 230 607 909 do CA Tỉnh Gia Lai cấp Ngày 30/3/2000
- Địa chỉ thường trú: Phòng 301- H4 Thanh Xuân Nam - Thanh Xuân - Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán
- **Quá trình công tác:**

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
3/1991 - 7/1991	Công ty Vật tư vận tải Sông Đà - Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà	Nhân viên kế toán
8/1991 - 3/1994	Công ty Xây dựng Thủy công Sông Đà - Tổng Công ty xây dựng Sông Đà	Trưởng ban kế toán Xí nghiệp Sêlabăm - Lào
4/1994 - 7/1997	Chi nhánh Công ty Sông Đà 12 tại Quy Nhơn	Kế toán trưởng
8/1997 - 12/1999	Công ty Sông Đà 16	Phó Kế toán trưởng
01/2000 - 3/2008	Công ty Sông Đà 5	Kế toán trưởng
4/2008 - 4/2009	Công ty Sông Đà 5	Thành viên HĐQT
6/2009 - 8/2012	Công ty CP Sông Đà 19	Phó Tổng giám đốc Công ty
8/2012 đến nay	Công ty CP Sông Đà 19	Tổng giám đốc Công ty

2.1.2 Ông BÙI KHẮC GIANG

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Sông Đà 19
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 30/10/1976
- Nơi sinh: Xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Xã Thạch Điện, huyện Thạch Trà, tỉnh Hà Tĩnh
- Chứng minh nhân dân: 012953870 Do CA Hà Nội cấp ngày 13/04/2007
- Địa chỉ thường trú: 30B khu tập thể Tổng cục II - Xuân Đình - Từ Liêm - Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Thủy lợi
- **Quá trình công tác:**

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
6/1999-: - 11/2000-:	Chuyên viên văn phòng ĐD Công ty CP Sông Đà 10 tại Hà Nội	Cán bộ
11/2000-: - 12/2002	Công ty CP sông Đà 10 – CN Miền Bắc	Phó phòng kinh tế
12/2002-: - 07/2003	Công ty CP sông Đà 10 – XN 10.4	Trưởng phòng KT
07/2003-: - 3/2010	Công ty CP sông Đà 10 – XN 10.4	Phó giám đốc
3/2010 đến nay	Công ty cổ phần Sông Đà 19	Phó Tổng Giám đốc

2.1.3. Ông PHAN VĂN HẢO

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh: 10/12/1960
- Nơi sinh: Hoà Xuân - Cẩm Lệ - Đà Nẵng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Hoà Xuân - Hoà Vang - Đà Nẵng
- Chứng minh nhân dân: **200014720**
- Địa chỉ thường trú: Số 11 Châu Thượng Văn - Đà Nẵng
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- **Quá trình công tác:**

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1979-: - 1986	Công ty Xi măng VLXD Đà Nẵng - BXD	Cán bộ
1986-: - 1991	Du học tại Tiệp Khắc	Đội trưởng phiên dịch
1992-: - 1996	Công ty Xi măng VLXD Đà Nẵng - BXD	Cán bộ
1997-: - 2002	Công ty Sông Đà 19	TP.Kinh tế kỹ thuật
2002 -: - đến nay	Công ty cổ phần Sông Đà 19	Phó Tổng Giám đốc

2.1.4. Ông TRẦN TRUNG KHİN

- Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh: 12/8/1973
- Nơi sinh: Bình Minh – Thanh Oai – Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Bình Minh – Thanh Oai – Hà Nội
- Chứng minh nhân dân: **013028465** Do CA Hà Nội cấp ngày 20/11/2008
- Địa chỉ thường trú: P409 nhà D1 Khu tập thể Thanh Xuân Bắc , Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính kế toán
- **Quá trình công tác:**

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
4/1994 -:- 7/1996	Công ty XL thi công cơ giới Sông Đà 9 - Gia Lai	Nhân viên kế toán
7/1996-:- 11/2001	XN sửa chữa - Công ty XL thi công cơ giới Sông Đà 9 - Gia Lai	Kế toán trưởng Xi nghiệp
11/2001-:- 3/2008	Công ty CP Sông Đà 5	Nhân viên kế toán
3/2008-:- 6/2009	Công ty Sông Đà 12-Nguyên Lộc	Phó tổng giám đốc
6/2009 -:- 7/2010	Công ty TNHH kiểm toán Hồng Hà	Kế toán trưởng
7/2010-:- 9/2012	Công ty CP Sông Đà 5	Trợ lý Chủ tịch HĐQT
9/2012 đến nay	Công ty CP Sông Đà 19	Kế toán trưởng Công ty

* Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần.

STT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ tại ngày 31/8/2012	Số lượng CP nắm giữ tại ngày 18/3/2013
1	Vũ Trung Trực	Ủy viên HĐQT- Tổng GD	1.000	1.000
2	Bùi Khắc Giang	Ủy viên HĐQT -Phó TGD		
4	Phan Văn Hào	Phó TGD	1.164	1.164
5	Trần Trung Khìn	Kế toán trưởng		
	Tổng cộng		2.164	2.164

* Thông tin về quyền lợi và thù lao của thành viên Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, phụ cấp BQ/ tháng
1	Vũ Trung Trực	Tổng giám đốc	10.400.000
2	Bùi Khắc Giang	Phó TGD	8.500.000
3	Phan Văn Hào	Phó TGD	6.497.000
4	Trần Trung Khìn	Kế toán trưởng	8.500.000
	Tổng cộng		33.897.000

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: không

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

2.3.1 Số lượng cán bộ công nhân viên

- Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến 31/12/2013:

- Tính đến thời điểm 31/12/2014, tổng số lao động hiện có của Công ty là 22 người, trong đó có 17 lao động nam, chiếm 77,3% và 05 lao động nữ, chiếm 22,7 %. Cơ cấu lao động của Công ty phân loại theo trình độ học vấn như sau:

TT	Trình độ học vấn	Số người	Tỷ trọng (%)
I.	Trình độ chuyên môn		
1	Lao động trình độ trên đại học	1	4,5
2	Lao động trình độ đại học	15	68,3
3	Lao động trình độ cao đẳng	1	4,5
4	Lao động trình độ trung cấp		
5	Lao động công nhân kỹ thuật	1	4,5
6	Lao động phổ thông	4	18,2
II.	Hợp đồng lao động		
1	- Không xác định	21	95,5
2	- Xác định thời hạn		
3	- Lao động thời vụ	1	4,5
	Tổng cộng	22	100

2.3.2 Chính sách đối với người lao động:

- Nhằm mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, Công ty đã xây dựng chính sách đối với người lao động theo định hướng sau:

- Thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng với chế độ chính sách quy định của Nhà nước. Ký hợp đồng lao động đối với mọi thành viên trong Công ty, tổ chức ký thỏa ước lao động tập thể giữa lãnh đạo Công ty và Công đoàn Công ty để đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

- Đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, có chính sách thu hút nguồn cán bộ, công nhân kỹ thuật có tay nghề cao vào làm việc, có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công lao đóng góp cho Công ty, có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín của Công ty.

- Công ty cũng đã thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các chế độ bảo trợ khác đối với người lao động. Mức thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty hiện nay là 4.500.000 đồng/ người/ tháng. Bên cạnh đó, hàng năm đơn vị cũng luôn xây dựng kế hoạch, thực hiện đào tạo và đào tạo lại tay nghề, trình độ cho người lao động bằng nhiều hình thức, nhằm phát triển đội ngũ cán bộ công nhân viên, đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa ngành nghề của Công ty, theo kịp trình độ công nghệ của các nước tiên tiến trên thế giới.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn: không

3.2 Các Công ty con, Công ty liên kết

3.2.1 Công ty TNHH Thủy điện Đắk Lắk (Công ty con)

+ Công ty TNHH thủy điện Đăk Lây hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6100593280 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 10 năm 2011 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Kon Tum cấp. Có trụ sở chính tại Số nhà 162, Đường Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Số vốn đã góp vào Công ty TNHH thủy điện Đăk Lây đến 31/12/2013 là 7.519.951.811, đồng. Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty TNHH thủy điện Đăk Lây tại ngày 31/12/2013 là 100% .

+ Ngày 28/4/2014 Hội đồng Quản trị Công ty đã ra Quyết nghị số 07/2014/NQ-HĐQT về việc thông qua tăng vốn điều lệ của công ty TNHH thủy điện Đăk Lây từ 28 tỷ lên 37 tỷ, cụ thể Công ty CP sông Đà 19 góp 15.561.458.336/37.000.000.000 chiếm 42.06% . Tính đến 31/12/2014 Công ty đã thực góp số tiền là :11.061.458.336 đồng chiếm 35,57%

*** Tóm tắt tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lây**

TT	Chỉ tiêu	Năm nay
1	Tổng doanh thu thực hiện	837.018.476
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	17.211.146
3	Cơ cấu nguồn vốn và tài sản (thời điểm cuối năm)	
3.1	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	9,9%
3.2	Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	90,1%
3.3	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	76%
3.4	Vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	24%

3.2.2 Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung (Công ty liên kết)

- Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0401380849 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 2011, do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp. Trụ sở chính tại: 155 Quận Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Thành phố Đà Nẵng. Số vốn góp vào Công ty CP Sông Đà Miền Trung tính đến ngày 31/12/2011 là 10.230.000.000, đồng. Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty con tại ngày 31/12/2011 là 96,5%.

- Ngày 20 tháng 09 năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty đã ra Quyết nghị số 01/NQMT-HĐQT về việc thông qua thoái vốn tại Công ty CP Sông Đà Miền Trung. Theo đó: Chuyển nhượng 350.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần với giá bán 10.000 đồng/ cổ phần tương ứng giá trị 3,5 tỷ đồng cho bên nhận chuyển nhượng là cổ đông sáng lập Lê Mạnh Huân. Số lượng cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 2 năm kể từ ngày hoàn tất việc chuyển nhượng. HĐQT cũng thông qua việc phát hành thêm 825.000 cổ phần để tăng vốn cho Sông Đà Miền Trung từ 11 lên 19,25 tỷ đồng và Công ty CP Sông Đà 19 sẽ không mua lượng cổ phần này và sẽ phân phối các quyền mua đó cho các cổ đông hiện hữu còn lại. Tại thời điểm 31/12/2013 Công ty chỉ còn số vốn góp vào Công ty CP Sông Đà Miền Trung là 6.730.000.000 đồng tương đương với tỷ lệ 35 % vốn điều lệ và trở thành Công ty liên doanh, liên kết. Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty liên kết tại ngày 31/12/2013 là 35%

* Tóm tắt tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty CP Sông Đà Miền Trung

TT	Chỉ tiêu	Năm nay
1	Tổng doanh thu thực hiện	48.797.847.985
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	335.290.998
3	Cơ cấu nguồn vốn và tài sản (thời điểm cuối năm)	
3.1	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	52%
3.2	Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	48%
3.3	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	33%
3.4	Vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	67%

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
1. Tổng giá trị tài sản	78.792.326.474	66.799.987.244	
2. Doanh thu thuần	34.885.556.529	13.003.429.300	-37%
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(29.096.196.023)	(1.803.973.552)	61%
4. Lợi nhuận khác	944.221.089		-100%
5. Lợi nhuận trước thuế	(28.151.974.934)	(2.361.553.591)	84%
6. Lợi nhuận sau thuế	(28.151.974.934)	(2.312.263.653)	82%
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (lần) TSLD/Nợ ngắn hạn	1,11	1,01	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (lần) TSLD - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,90	0,82	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,72	0,70	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,63	2,44	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: (vòng) Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	1,71	1,33	

+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	44%	19%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	-80%	-18%
+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-129%	-12%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-36%	-3,4%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-83%	-14%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần:

Tại ngày 31/12/2014 toàn bộ số lượng cổ phần của Công ty đều thuộc loại chuyển nhượng tự do. Công ty không có cổ phiếu niêm yết tại nước ngoài.

Cổ phần	Số lượng	Tổng mệnh giá	% vốn điều lệ	Ghi chú
1. Chuyển nhượng tự do	5.000.000	50.000.000.000	100	
2. Hạn chế chuyển nhượng				
Tổng cộng	5.000.000	50.000.000.000	100	

5.2 Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông tại ngày 10/03/2014 như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tổng mệnh giá (Triệu đồng)	% /vốn điều lệ	Ghi chú
A. Cổ đông trong nước (826)	4.999.100	49.991,00	99,98%	
I. Cổ đông lớn (02)	1.434.494	14.344,94	28,69%	
1. Tổ chức	1.079.494	10.794,94	21,59%	
- Công ty SUDICO (MCK: SJS)	1.079.494	10.794,94	21,59%	
2. Cá nhân	355.000	3.550,00	7,10%	
- Đinh Quang Chiến	355.000	3.550,00	7,10%	
II. Cổ đông nhỏ (824)	3.564.606	35.646,06	71,29%	
B. Cổ đông nước ngoài (05)	900	9,00	0,02%	
- Tổ chức	0	0		
- Cá nhân	900	9,00	0,02%	
Tổng cộng (831)	5.000.000	50.000	100%	

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2014 Công ty không có thay đổi về tăng, giảm vốn điều lệ

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Đầu năm 2014 Công ty không có cổ phiếu quỹ, trong năm Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

5.5 Các chứng khoán khác: Trong năm 2014 Công ty không phát hành bất cứ loại chứng khoán khác nào.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2014	Thực hiện KH SXKD năm 2014	% HT KH 2014
1	Tổng giá trị xây lắp	10 ³ đ	54,000	9,721	17,96
2	Doanh thu	“	24,000	13,148	54,478
3	Lợi nhuận	“	0,240	-2,312	-963,33
4	Thu nhập bq 1 CNV	“	3	4,5	150
5	TS lợi nhuận/D.thu	%	1	-17,6	-1,790

1.2 Phân tích nguyên nhân:

Năm 2014 Công ty lỗ 2.312.263.653. đồng. Nguyên nhân là do các yếu tố sau:

1.2.1 Nguyên nhân khách quan:

- Giá trị thu vốn tại các công trình thấp dẫn đến giá trị dở dang của Công ty cao. Do đó để triển khai thi công các công trình Công ty phải vay vốn của Ngân hàng để thi công vì vậy không còn hiệu quả thậm trí còn bị lỗ bởi vì phải trả lãi suất quá cao so với lợi nhuận thu được từ việc thi công các công trình. Chi phí lãi vay trong năm phải trả là 1,297.675.333 đồng
- Khủng hoảng tài chính toàn cầu cũng như nền kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, chi phí sử dụng vốn cao, các tổ chức tín dụng và ngân hàng hạn chế cho vay theo chính sách thắt chặt tín dụng của Nhà nước. ảnh hưởng trực tiếp đến các khoản đầu tư của Công ty,
- Cũng do thiếu vốn nên trong năm Công ty phải trích khoản tiền phạt nộp chậm thuế cho Nhà nước số tiền là 524 triệu

1.2.2 Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán:

Công tác nghiệm thu thanh quyết toán tại các công trình đã được lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm. Đối với các khoản dở dang và công nợ phải thu, Công ty đã thành lập bộ phận thu vốn do Tổng giám đốc trực tiếp chỉ đạo các bộ phận thu hồi công nợ và tập trung đặc biệt vào các công trình có giá trị dở dang lớn như Dự án Nam Xa La, bệnh viện Bắc Ninh, Thủy điện Lai Châu.

Tuy nhiên các cố gắng trong công tác lập hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán nhưng vẫn chưa đem lại kết quả tốt dẫn đến giá trị dở dang lớn, nguyên nhân chính : Tình hình khủng hoảng tài chính

trong nước, lãi suất ngân hàng cao, Chính phủ cắt giảm đầu tư công nên việc giải quyết vốn thanh toán của chủ đầu tư tại các công trình rất chậm trễ, cơ chế thanh toán, nghiệm thu của chủ đầu tư tại các công trình phức tạp, thời gian thanh toán kéo dài..

1.3. Những tiến bộ công ty đã đạt được.

1.3.1 Công tác quản lý điều hành và tổ chức sản xuất:

- Đã ổn định và kiện toàn bộ máy tổ chức, quản lý điều hành của Công ty cũng như của Chi nhánh tại trụ sở mới, phân công nhiệm vụ cụ thể đến từng cán bộ giữ chức vụ quản lý nhằm phát huy tối đa tính năng động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong chỉ đạo điều hành công việc;

- Xây dựng được cơ chế quản lý khoán đội phù hợp đối với các công trình nhỏ, công trình ở xa trụ sở từ đó phát huy được nguồn lực trong Công ty, nâng cao vai trò của Đội trưởng và người lao động;

- Duy trì tốt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.

1.3.2 Công tác quản lý chất lượng, công tác an toàn:

- Lập hồ sơ đầy đủ trước khi thi công, quản lý hồ sơ thi công chất lượng công trình đầy đủ;

- Phối hợp giải quyết tốt các vướng mắc trong công tác thiết kế và biện pháp tổ chức thi công;

- Chất lượng công tác an toàn lao động tiếp tục được duy trì tốt, trong năm không xảy ra tai nạn lao động nào.

1.3.3. Công tác quản lý lao động, tuyển dụng, đào tạo nhân lực

- Việc tuyển dụng lao động đã được quan tâm, chủ yếu là lực lượng trẻ mới ra trường trình độ và kinh nghiệm làm việc còn hạn chế nhưng cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ sản xuất kinh doanh;

- Thường xuyên kiểm tra đôn đốc việc thực hiện kỷ luật lao động tại hiện trường cũng như tại các phòng ban;

- Thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ bảo trợ khác đối với người lao động, hàng tháng thanh toán lương cho người lao động đầy đủ và đúng kỳ.

1.3.4. Công tác quản lý tài chính, kinh tế- kế hoạch.

- Thực hiện đầy đủ và hoàn thiện công tác hạch toán kinh doanh hàng tháng, quý, năm làm cơ sở chỉ đạo điều hành các hoạt động SXKD;

- Huy động đủ vốn phục vụ cho hoạt động SXKD

- Xây dựng và triển khai kịp thời kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị phù hợp với định hướng phát triển;

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hàng quý đã được xây dựng đầy đủ là cơ sở cho việc chuẩn bị các điều kiện về nhân lực, xe máy, thiết bị, vật tư, tiền vốn... việc kiểm tra đôn đốc thực hiện kế hoạch thực hiện thường xuyên;

- Chất lượng công tác kế hoạch từng bước được cải thiện và dần đi vào nề nếp.

1.3.5. Công tác thu hồi vốn.

Nhận thức tầm quan trọng của công tác này, Tổng giám đốc đã phân công cụ thể cho các thành viên trong Ban tổng giám đốc trực tiếp chỉ đạo từng công trình, cũng như phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng chủ công trình, thường xuyên kiểm điểm tình hình thực hiện. Tuy nhiên các cố gắng của Công ty trong công tác thu hồi vốn không đạt được kết quả tốt (giá trị dở dang và số dư công nợ cuối năm còn quá lớn: do các nguyên nhân khó khăn đã nêu ở phần trên)

* Kết luận: Trong năm 2014 có rất nhiều khó khăn, thách thức. Nhờ sự nỗ lực phấn đấu của toàn bộ ban Lãnh đạo và CBCNV Công ty đã đạt được những kết quả tích cực.

Mặc dù đã đạt được những kết quả trên nhưng năm 2014 công ty vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức :

- + Kết quả SXKD vẫn không đạt được như kỳ vọng;
- + Quyền lợi của cổ đông (cổ tức) không được bảo đảm;
- + Doanh thu thấp, công nợ phải thu và giá trị khối lượng dở dang vẫn còn rất lớn.

Tất cả những yếu kém trên hội tụ và phản ánh bức tranh kinh tế của Công ty là yếu kém và chưa vững chắc.

Trong bối cảnh nêu trên để đạt được mục tiêu tổng quát đặt ra cho năm 2014 đòi hỏi sự nỗ lực vượt bậc hơn nữa của toàn công ty từ ban lãnh đạo đến từng CBCNV phải thực hiện đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ và giải pháp đề ra.

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản

Tổng tài sản năm 2014 giảm so với năm 2013 là do các yếu tố sau:

- Tài sản ngắn hạn: Giá trị hàng tồn kho là chỉ tiêu giảm lớn nhất do năm 2013 Công ty chủ yếu tập trung thi công, hoàn thiện các công trình trúng thầu từ những năm trước và chỉ nhận thi công thêm một số hạng mục phụ trợ công trình thủy điện Lai Châu.

- Tài sản dài hạn: là chỉ tiêu giảm mạnh nhất là do: Công ty nhận định tình hình khó khăn của kinh tế còn tiếp tục kéo dài việc đầu tư dàn trải sẽ làm ảnh hưởng đến nguồn vốn. Vì vậy Công ty quyết định giảm tài sản cố định hữu hình và các khoản đầu tư dài hạn, thu hồi vốn bổ sung vốn lưu động giảm vay ngắn hạn để tập trung cho sản xuất kinh doanh, cụ thể:

+ Rút vốn đầu tư xây dựng CT Chung cư tổ hợp Nam Xala từ Công ty CP Đầu tư kinh doanh và phát triển hạ tầng KCN Phúc Hà

+ Thanh lý một số tài sản cố định hữu hình

2.2 Tình hình nợ phải trả

Tính đến 31/12/2014 Tổng nợ của Công ty là 47,391 tỷ đồng bằng 70,9% tổng nguồn vốn. Trong đó Nợ ngắn hạn chiếm 99,6% trong tổng nợ, tăng 0,4% so với năm 2013 (99,2%) là do tình hình thu hồi vốn tại các công trình chậm, các nguồn tín dụng bị hạn chế làm cho tăng công nợ phải trả khách hàng và các khoản công nợ khác. Tuy nhiên do thoái vốn được từ một số dự án đầu tư dài hạn Công ty đã tập trung trả nợ cho các khoản vay dài hạn đã làm cho Nợ dài hạn chỉ chiếm 0,4% trên Tổng nợ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2014 mặc dù Nhà nước có các giải pháp hỗ trợ nhưng các doanh nghiệp Việt Nam vẫn gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Đối mặt với những khó khăn chung của nền kinh tế trong năm qua tập thể CBCNV Công ty có cố gắng nỗ lực, cố gắng tập trung đẩy mạnh công tác sản xuất kinh doanh, phát huy tối đa sức mạnh tập thể, hoàn

thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch đã được thông qua từ đầu năm. Các chỉ tiêu kinh tế năm 2014 của Công ty cụ thể như sau:

DVT: 1.000 đồng

TT	Chỉ tiêu	KH	TH	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Sản lượng	54,000	9,721	17,96
2	Tổng doanh thu	24,000	13,148	54,478
3	Lợi nhuận trước thuế	0,240	-2,361	-983,75
4	Thu nhập bq/CBCNV	3	4,5	150
5	Tỷ lệ trả cổ tức	0	0	

Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, sự điều hành của Ban Tổng giám đốc, ngay từ đầu năm 2014 Công ty đã triển khai các biện pháp nhằm thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ như :

- Đã ổn định và kiện toàn bộ máy tổ chức, quản lý điều hành của Công ty theo định hướng phù hợp với điều kiện SXKD của đơn vị;

- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình đã ký hợp đồng, có vốn và mặt bằng thi công;

- Tìm kiếm và phát triển thị trường;

Tuy nhiên năm 2014 Công ty không đạt được một số chỉ tiêu kinh tế đề ra do các nguyên nhân:

- Tiềm lực tài chính và năng lực thi công hiện chưa đủ mạnh để cạnh tranh với các doanh nghiệp trong ngành xây lắp cũng như tham gia đấu thầu các công trình lớn;

- Tình trạng thi công chưa đủ điều kiện như: thiếu mặt bằng, thiết kế sửa đổi bổ sung chậm phê duyệt, việc bố trí vốn của chủ đầu tư vừa thiếu vừa không phù hợp với tiến độ thi công đã làm cho công tác thi công kéo dài, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh;

- Đội ngũ Cán bộ quản lý, kỹ thuật chưa thật sự mạnh;

- Chưa thực hiện tốt chính sách thu hút, đãi ngộ đối với cán bộ có năng lực.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Hai thành viên HĐQT cũng là thành viên Ban Tổng giám đốc (Ông Vũ Trung Trục - Chức vụ: Tổng giám đốc; Ông Bùi Khắc Giang - Chức vụ: Phó Tổng giám đốc) nên việc Báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Ban Tổng giám đốc cho HĐQT tiếp cận tới các thành viên thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn các vấn đề quản trị trong việc điều hành Sản xuất kinh doanh của Công ty qua Email, điện thoại ngoài cuộc họp thường kỳ.

- Hội đồng quản trị tiếp tục theo dõi, giám sát và có những quyết sách chỉ đạo bám sát tình hình kinh doanh cũng như hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc. Việc giám sát được thực hiện qua báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2015 với những cơ hội và thách thức mới, để giữ vững và phát triển nâng cao hiệu quả SXKD, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tập trung chỉ đạo vào các lĩnh vực sau:

- Chỉ đạo phân tích, đánh giá tình hình hoạt động SXKD năm 2014, chấn chỉnh các mặt hoạt động trong năm 2014, các giải pháp khắc phục trong năm 2015;

- Thông qua kế hoạch SXKD năm 2015, kế hoạch tài chính, lợi nhuận, dự toán chi phí quản lý doanh nghiệp;

- Kiện toàn, định biên sắp xếp lại bộ máy quản lý cho phù hợp với tình hình mới để thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD năm 2015;

- Tăng cường công tác quản lý, tập trung nguồn lực đảm bảo theo hợp đồng đã ký kết;

- Giao khoán xe máy, thiết bị cho các Đội công trình;

- Rà soát, điều chỉnh lại các quy định quy chế phục hợp với tình hình SXKD;

- Duy trì các cuộc họp HDQT.

3.1. Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2015 :

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Các chỉ tiêu chính	DVT	KH năm 2014	Ghi chú
A	GIÁ TRỊ SX KD			
I	TỔNG GIÁ TRỊ SXKD	10³d	20.000.000	
II	DOANH SỐ BÁN HÀNG	10³d	16.500.000	
1	Doanh thu	"	15.000.000	
2	Thuế GTGT đầu ra	"	1.500.000	
III	LỢI NHUẬN	10³d		
1	Tỷ suất lợi nhuận/TT/Doanh thu	%		
2	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ	%		
B	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ	10³d	0	
1	Đầu tư tài chính	"	0	
2	Đầu tư dự án	"	0	

3.2. Kế hoạch đầu tư :

- Góp nốt phần vốn còn lại 4,5 tỷ tại Công ty TNHH Đắk Lắk đạt vốn điều lệ 15.561.458.336/37.000.000.000 chiếm 42,06% . Kế hoạch nhà máy sẽ phát diện vào quý I/2015

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Số lượng thành viên HDQT của Công ty gồm 05 Thành viên. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc ĐHDCD. HDQT có các quyền sau:

+ Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;

+ Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHDCD thông qua;

+ Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty;

+ Kiến nghị, sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;

+ Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty;

+ Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

*** Ông: TRẦN MẠNH CUỒNG**

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 19/5/1958
Nơi sinh: Liêm Hải – Trục Ninh – Nam Định
Quốc tịch: Việt Nam
Quê quán: Liêm Hải - Trục Ninh – Nam Định
Chứng minh nhân dân: **010391605**
Địa chỉ thường trú: Phường Tân Thịnh – Thành Phố Hoà Bình – Tỉnh Hoà Bình
Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Thủy Lợi

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1982 -:- 1990	Tổng công ty Sông Đà Hoà Bình	Cán bộ kỹ thuật
1990 -:- 1997	Xí nghiệp Vận tải, Công ty Xây Thủy điện Vĩnh Sơn	Phó Giám đốc
1997 -:- 1998	Công ty Sông Đà 18	Phó giám đốc, Giám đốc công ty
1998 -:- 2003	Công ty Sông Đà 19	Giám đốc Công ty
2003 -:- 4/2008	Công ty cổ phần Sông Đà 19	Giám đốc công ty
4/2008 -:- 8/2012	Công ty cổ phần Sông Đà 19	Tổng giám đốc Công ty
8/2012-:- đến nay	Công ty Cổ phần ĐPTT Đô thị & KCN Sông Đà	Chủ tịch công đoàn

*** Ông VŨ KIM LONG**

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 28/10/1973
Nơi sinh: Thác Bà – Yên Bái
Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Hiệp Hoà – Hưng Hà – Thái Bình
 Chứng minh nhân dân: 0119977549
 Địa chỉ thường trú: Nhà M5, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
5/1995 -:- 5/1997	Đại diện Tổng công ty Sông Đà tại Miền trung	Cán bộ phòng tài chính kế toán
5/1997 -:- 1/1999	Công ty Xây Dựng Sông Đà 3	Phó kế toán trưởng Công ty
1/1999 -:- 2008	Công ty cổ phần Sông Đà 19	Kế toán trưởng Công ty
2008 -:- 5/2009	Công ty cổ phần Sông Đà 19	Phó Tổng Giám đốc Công ty
5/2009 -:- 11/2012	Công ty Cổ phần ĐTPT Đô thị & KCN Sông Đà	Kế toán trưởng Công ty
11/2012 đến nay	Công ty Cổ phần ĐTPT Đô thị & KCN Sông Đà	Chủ tịch HĐQT Cty CP Sudico Hoà Bình

*** Ông ĐINH QUANG CHIẾN**

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 18/05/1967
 Nơi sinh: Xã Hải Quang, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
 Quốc tịch: Việt Nam
 Quê quán: Xã Hải Quang, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
 Chứng minh nhân dân: 161569735 cấp ngày 05/12/2005 tại CA tỉnh Nam Định
 Địa chỉ thường trú: P1705 nhà N09B1 khu đô thị Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
5/1991 -:- 8/1995	Cục thuế huyện Hải Hậu	Cán bộ chi Cục thuế Hải Hậu
9/1995 -:- 12/1995	Công ty XLTC cơ giới Sông Đà 9	Kế toán
1/1996 -:- 6/1997	Xí nghiệp 3- Công ty CP Sông Đà 9	Trưởng ban Tài chính Kế- toán
7/1997 -:- 9/2001	Chi nhánh Công ty cung ứng vật tư tại Yaly- Công ty xi măng Sông Đà-Yaly.	Kế toán trưởng

10/2001 -:- 3/2003	Công ty xi măng Sông Đà-Ialy	Trạm trưởng trạm cung ứng vật tư tại Sêsan 3
4/2003 -:- 12/2004	Công ty DT PT Đô thị và KCN Sông Đà	Kế toán trưởng XN dịch vụ Đô thị kiêm Trưởng ban kế-toán các dự án Hoà Bình
1/2005 -:- 3/2005	Công ty CP Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà.	Phó kế toán trưởng
4/2005 -:- 2007	Công ty CP Đầu tư- XD và kinh doanh nhà	Kế toán trưởng
1/2007 -:- đến nay	Công ty CP Đầu tư- XD và kinh doanh nhà	Ủy viên HĐQT
4/2013- đến nay	Công ty cổ phần Sông Đà 19	Thành viên HĐQT

*** Ông Vũ Trung Trực**

Lý lịch xem tại lý lịch tóm tắt của các thành viên Ban điều hành

*** Ông Bùi Khắc Giang**

Được bổ nhiệm tạm thời giữ chức Ủy viên HĐQT kể từ ngày 16/08/2012

Lý lịch xem tại lý lịch tóm tắt của các thành viên Ban điều hành

b) **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu công việc cho đến năm 2014 Công ty chưa thành lập các tiểu ban giúp việc cho HĐQT.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị định kỳ (mỗi quý 1 lần) và tổ chức một số buổi họp đột xuất khác theo yêu cầu của công tác SXKD để kiểm điểm thực hiện các nhiệm vụ của kỳ trước, thông qua chủ trương và chỉ đạo sát sao việc thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty, đưa ra hướng giải quyết các vấn đề phát sinh, thông qua các chương trình hoạt động, ban hành các nghị quyết, quyết định... kịp thời cho công tác chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm HĐQT đã ban hành 13 Nghị quyết phục vụ cho công tác điều hành SXKD của Công ty;

- Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được xây dựng trên nguyên tắc tập thể dân chủ khách quan và tập trung trí tuệ của các thành viên Hội đồng quản trị;

- Hội đồng quản trị đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ của Công ty và quy chế hoạt động của HĐQT;

- Thực hiện tốt việc sửa đổi bổ xung hoàn thiện và ban hành các quy chế, quy định cũ đã ban hành theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị;

- Quyết định thoái vốn tại Công ty TNHH thủy điện ĐắkLây.

d) **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:** Công ty không có thành viên HĐQT độc lập

e) **Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Công ty chưa có các tiểu Ban giúp việc HĐQT.

f) **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:** Tất cả thành viên HĐQT Công ty đều đã tham gia các lớp học bồi dưỡng về quản trị Công ty. Tất cả thành viên HĐQT đều đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

2. Ban Kiểm soát

a) **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).**

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên để thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Thành viên Ban kiểm soát Công ty gồm có 3 ông (bà) sau:

* Ông **TRẦN THẾ ANH:** Trưởng ban kiểm soát

Đơn vị công tác hiện tại: Phó Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư P.riển đô thị & KCN Sông Đà

Giới tính : Nam

Ngày sinh: 30/01/1981

Nơi sinh: Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Hải Phòng

Chứng minh nhân dân: **031180038**

Địa chỉ thường trú: Phòng số 515, tòa nhà CT6A, phường Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
11/2012- 12/2013	Công ty CP Đầu tư PT Đô thị & KCN Sông Đà	Phó Kế toán trưởng Công ty
4/2013- đến nay	Công ty Cổ phần Sông Đà 19	Trưởng ban kiểm soát

* Ông **NGUYỄN VIỆT DŨNG:** Thành viên BKS

Đơn vị công tác hiện tại: Công ty CP chứng khoán Sao Việt

Giới tính : Nam

Ngày sinh: 12/04/1983

Nơi sinh: Tỉnh Bắc Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Số 15, ngõ 2/2, đường Hùng Vương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Chứng minh nhân dân: 121481098 ngày 31/5/2008 tại Bắc Giang

Địa chỉ thường trú: Số nhà 14A, ngõ 90, đường Khuyển Lương, quận Hoàng Mai, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
4/2013 -:- đến nay	Công ty CP Sông Đà 19	Thành viên Ban kiểm soát

*** Ông BÙI TUẤN DŨNG: Thành viên Ban kiểm soát**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát; Trưởng phòng kinh tế kỹ thuật Công ty CP Sông Đà 19

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 30/ 06 /1979

Nơi sinh: 98 Nguyễn Đức Sáu, hị trấn Nam Sách, tỉnh Hải Dương

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: 98 Nguyễn Đức Sáu, hị trấn Nam Sách, tỉnh Hải Dương

Chứng minh nhân dân: **017389154 cấp ngày 14/6/2012 tại Hà Nội**

Địa chỉ thường trú: Số 157A- Ngõ 10, đường Chiến Thắng, Hà Đông, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
8/2003-2009	Công ty CP Sông Đà 5	Cán bộ kỹ thuật
2009- đến nay	Công ty CP Sông Đà 19	Trưởng phòng Kinh tế kỹ thuật
4/2013- đến nay	Công ty CP Sông Đà 19	Thành viên Ban kiểm soát

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

- Năm 2013 Ban kiểm soát đã triển khai hoạt động theo đúng quyền hạn, nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quy chế tổ chức và hoạt động của Ban, chú trọng kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác năm 2013 và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, triển khai kiểm tra, giám sát thường xuyên mọi hoạt động của Công ty, định kỳ kiểm tra trực tiếp.

- Trên cơ sở thông tin tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty do Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các phòng ban chức năng của Công ty cung cấp, các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc như: Kiểm tra, rà soát lại các tờ trình của Tổng giám đốc; Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đồng thời có ý kiến đóng góp kịp thời.

- Các cuộc họp của HĐQT Ban kiểm soát đều tham dự đầy đủ.

- Hàng quý thực hiện thẩm định báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị của Công ty, có ý kiến đóng góp đề đơn vị chỉnh sửa kịp thời đảm bảo báo cáo được lập theo đúng quy định, phản ánh trung thực tình hình tài chính của đơn vị.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương BQ/tháng	Thù lao BQ/tháng
1. Trần Mạnh Cường	Chủ tịch HĐQT	SUDICO	5.000.000
2. Vũ Trung Trực	Ủy viên HĐQT, TGD	10.000.000	3.000.000
3. Bùi Khắc Giang	Ủy viên HĐQT, Phó TGD	8.500.000	3.000.000
4. Vũ Kim Long	Ủy viên HĐQT	Sông Đà MT	3.000.000
5. Trần Thế Anh	Trưởng BKS	SUDICO	3.000.000
6. Bùi Tuấn Dũng	Thành viên BKS	7.000.000	1.500.000
7. Nguyễn Việt Dũng	Thành viên BKS	Sao Việt	1.500.000
8. Trần Trung Khìn	Thư ký HĐQT	8.000.000	1.500.000
Tổng cộng			24.500.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (10/03/2014)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2014)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Vũ Kim Long		9.414	0,18	9.414	0,18	
2	Trần Mạnh Cường		25.954	0,51	25.954	0,51	
3	Vũ Trung Trực		1.000	0,02	1.000	0,02	
	Tạ Thị Giang	Vợ	2.000	0,04	2.000	0,04	
4	Phan Văn Hào		1.164	0,02	1.164	0,02	
5	Đình Quang Chiến		355.000	7,10	355.000	7,10	
6	Bùi Tuấn Dũng		84.800	1,70	12.500	0,25	

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công

ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên)

- + Đối với Công ty TNHH thủy điện ĐắkLây: không phát sinh
- + Đối với Công ty CP Sông Đà miền trung: không phát sinh

d) **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Công ty đã và đang thực hiện theo đúng các quy định về quản trị Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Số: 48/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 19, được lập ngày 02 tháng 3 năm 2015, từ trang 07 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 19 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội

Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc

Lê Văn Khoa – Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1 Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2013-008-1

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2015

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

2.1. Bảng cân đối kế toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		47.739.241.553	62.923.855.508
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	47.774.203	505.857.140
1.	Tiền	111		47.774.203	505.857.140
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.761.176.181	43.468.526.782
1.	Phải thu khách hàng	131		28.726.862.714	41.022.451.146
2.	Trả trước cho người bán	132		3.206.554.885	2.678.554.885
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.2	22.435.893.608	23.071.920.418
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.3	(22.608.135.026)	(23.304.399.667)
IV.	Hàng tồn kho	140		9.256.100.902	11.714.176.239
1.	Hàng tồn kho	141	V.4	9.256.100.902	11.714.176.239
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		6.674.190.247	7.235.295.347
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	58.549.087
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	6.674.190.247	7.176.746.260

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.060.745.711	15.868.470.966
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		579.023.069	800.661.377
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	579.023.069	800.661.377
	<i>Nguyên giá</i>	222		1.794.242.404	1.858.032.659
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.215.219.335)	(1.057.371.282)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	-	-
III	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		18.433.722.642	15.019.809.589
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	7.519.951.811
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.9	17.791.458.336	6.730.000.000
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	900.000.000	1.900.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.11	(257.735.694)	(1.130.142.222)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		48.000.000	48.000.000
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	48.000.000	48.000.000
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		66.799.987.244	78.792.326.474

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		47.391.478.605	57.071.554.182
I. Nợ ngắn hạn		310		47.210.748.834	56.660.804.702
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.14	10.308.440.689	14.757.666.064
2. Phải trả người bán		312		16.700.076.467	23.826.440.974
3. Người mua trả tiền trước		313		3.261.327.365	4.430.375.324
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.15	2.824.090.570	2.204.320.040
5. Phải trả người lao động		315		193.571.000	406.049.171
6. Chi phí phải trả		316	V.16	2.658.390.147	1.559.525.713
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.17	11.251.399.259	9.462.974.079
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.18	13.453.337	13.453.337
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		180.729.771	410.749.480
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.19	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335	V.20	180.729.771	410.749.480
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		19.408.508.639	21.720.772.292
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.21	19.408.508.639	21.720.772.292
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		13.510.260.157	13.510.260.157
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417		3.057.911.703	3.057.911.703
8. Quỹ dự phòng tài chính		418		775.138.871	775.138.871
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420		(47.934.802.092)	(45.622.538.439)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		66.799.987.244	78.792.326.474

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		49,616,895	49,616,895
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1.06	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập, ngày 2 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hoàng Việt Thanh

Trần Trung Khìn

Vũ Trung Trục

2.2. Kết quả kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
				Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	13.003.429.300	34.885.556.529
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		13.003.429.300	34.885.556.529
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	12.319.136.169	35.375.932.928
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		684.293.131	(490.376.399)
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	145.028.508	7.571.197
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	540.161.756	1.915.807.243
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.297.675.333	2.034.209.423
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	2.093.133.435	26.697.583.578
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.803.973.552)	(29.096.196.023)
11.	Thu nhập khác	31	VI.6		3.294.571.736
12.	Chi phí khác	32	VI.7	557.580.039	2.350.350.647
13.	Lợi nhuận khác	40		(557.580.039)	944.221.089
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.361.553.591)	(28.151.974.934)
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		180.729.771	205,374,740
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(230.019.709)	(205,374,740)
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.312.263.653)	(28.151.974.934)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(462)	(5.630)

Lập, ngày 2 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hoàng Việt Thanh

Trần Trung Khin

Vũ Trung Trực

2.3 Lưu chuyển tiền tệ: (Theo phương pháp gián tiếp)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính:
VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(2.361.553.591)	(28.151.974.934)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		221.638.308	229.487.798
- Các khoản dự phòng	03		(1.568.671.169)	3.174.893.875
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(51.890.909)	(1.144.620.267)
- Chi phí lãi vay	06		1.297.675.333	2.034.209.423
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(2.462.802.028)	(3.858.004.105)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.162.324.435	8.925.982.714
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.458.075.337	17.833.352.433
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(5.492.677.672)	(19.302.119.451)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	3.441.500
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.216.577.634)	(1.444.988.360)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	326.528.980
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(47.959.091)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.448.342.438	2.436.234.620
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	3.253.318.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(500.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		1.042.800.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		542.800.000	3.253.318.182
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại			-	-

	cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.544.150.810	10.455.686.993
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.993.376.185)	(16.183.789.443)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.449.225.375)	(5.728.102.450)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(458.082.937)	(38.549.648)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	505.857.140	544.406.788
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	47.774.203	505.857.140

Lập, ngày 2 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hoàng Việt Thanh

Trần Trung Khìn

Vũ Trung Trực

2.4 Thuyết minh Báo cáo tài chính:

Đăng tải trên trang web: <http://songda19.com.vn>

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Vũ Trung Trực